

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-06-2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hồng*

*Ông Lê Văn Lực*

*- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham  
gia phiên toà.*

Ngày 07 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét  
xử công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 03 năm 2022,  
về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
112/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1961 (vắng, có đơn xin vắng  
mặt).

**- Bị đơn:** bà **Trần Thị V** – sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn  
ông Nguyễn Văn T trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Trần Thị V hôn nhân hình thành do tự quen  
biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình ông và bà Viêng đi đến hôn nhân  
có tổ chức lễ cưới vào tháng 07 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn.*

Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống tại ấp R, xã T, huyện V. Vợ chồng sống hòa  
thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng  
không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường  
hay cự cãi, đến năm 2019 bà V đã bỏ nhà đi làm tại tỉnh B và vợ chồng sống ly thân từ  
thời gian đó đến nay.

Nay ông T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị V.

- Về con chung: vợ chồng có con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19/05/1988; Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 09/02/1990; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 07/6/1993 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/09/1999. Hiện các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn bà Trần Thị V:*

Bà Trần Thị V đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà V vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

- *Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Nguyên đơn đã nộp: Đơn xin xác nhận ngày 10/11/2020 gửi Ủy ban nhân dân xã T (bản chính); Đơn xin xác nhận ngày 10/11/2020 gửi Ủy ban nhân dân xã T, huyện M (bản chính);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị V đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Căn cứ Đơn xin xác nhận gửi Ủy ban nhân dân xã T ngày 10/11/2020 xác nhận ông T và bà V từ năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn tại xã T và Đơn xin xác nhận gửi Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M xác nhận qua kết quả tra cứu tàng thư cho thấy từ năm 1994 đến tháng 11 năm 2020 không có đăng ký kết hôn giữa ông T và bà V. Ông T trình bày sau ngày cưới cho đến nay vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Do vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị V là quan hệ hôn nhân không hợp pháp .

Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 cho đến nay mà không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Ông Nguyễn Văn T xác định ông và bà V có 04 người con

chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19/05/1988; Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 09/02/1990; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 07/6/1993 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/09/1999. Hiện các con đã thành niên nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung của vợ chồng:** ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **- Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị V.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T đối với bà Trần Thị V.

**2. Về con chung:** Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị V có 04 người con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 19/05/1988; Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 09/02/1990; Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 07/6/1993 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 16/09/1999. Ông Nguyễn Văn T xác định các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

**3. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

#### **4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:**

Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**